ĐỒ HÌNH

LỤC TỰ ĐẠI MINH BẢN MỆNH HỘ THÂN PHÁP

Trần Ngọc Nguyên *trích dẫn*

Lục Tự Minh Chú (*Vidyā-ṣaḍ-akṣarī*): OṂ MAṆI PADME HŪṂ nguyên là Tâm Chú của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát (*Avalokiteśvara bodhisattva*) mà tín đồ Phật giáo Đại Thừa thường xưng tán và hành trì.

A. Giới thiệu sơ lược về Lục Tự Đại Minh Chú:

Theo truyền thống thì Lục Tự Đại Minh Chú chỉ xuất hiện trong bài Quán Âm Linh Cảm Chân Ngôn, Nghi thức Ngũ Bộ Chú, Kinh Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương… nhưng bài Chú này lại được truyền bá rất rộng rãi trong nhân gian đến nỗi hầu nhưng người ta chỉ xem đó là câu chú bình thường chuyên trừ tà ma, giải nạn chướng, trị liệu bệnh tật… mà không hề hay biết đến tính chất vi diệu rất bí mật của Lục Tự Đại Minh Chú.

Kinh **Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương** (*Kāraṇḍe-vyūha sūtra*) chép rằng:

> "Này Thiện Nam Tử! **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này Bản Tâm vi diệu (*Parama-hṛdaya*) của Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát. Nếu có biết Bản Tâm vi diệu đó liền biết giải thoát (*Mokṣa*)".
>
> Đức Phật nói: "Nếu có người hay thường thọ trì **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này. Vào lúc trì tụng thời có chín mươi chín căng già hà sa số Như Lai tập hội. Lại có chúng Thiên Tử ở ba mươi hai cõi Trời (*Dvatriṃśaddevanikāyā*) cũng đều nhóm hội. Lại có bốn vị Đại Thiên Vương (*Catur-mahā-rāja*) ở bốn phương vệ hộ người đó. Lại có Sa Nga La Long Vương (*Sāgara-nāga-rāja*), Vô Nhiệt Não Long Vương (*Anavataptanāga-rāja*), Đắc Xoa Ca Long Vương (*Takṣa-nāga-rāja*), Phạ Tô Chỉ Long Vương (*Vaṣuki-nāga-rāja*), như vậy vô số trăm ngàn vạn câu chi na dữu đa Long Vương (*Nāga-rāja*) đến vệ hộ người đó. Lại ở hàng Dược Xoa ở trong Đất (*Bhauma-yakṣa*), Hư Không Thần (*Gagana-Devatā*) cũng đến vệ hộ người đó.
>
> Thiện Nam Tử! Câu chi số Như Lai trong lỗ chân lông trên thân của Quán Tự Tại Bồ Tát nghỉ ngơi xong thì khen ngợi người đó rằng: "Lành thay! Lành thay Thiện Nam Tử! Ngươi hay được báu Ma Ni Như Ý (*Cintāmaṇi-ratna*) này, bảy đời giòng họ của ngươi đều sẽ được giải thoát ấy".

Thiện Nam Tử! Hết thảy loài trùng ở trong bụng của người Trì Minh ấy sẽ được địa vị **Bất Thoái Chuyển Bồ Tát** (*Tevaivartikādhi-Bodhisattva*). Nếu lại có người đem **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này để trong thân, đeo trên cổ, đội giữ trên đỉnh đầu. Thiện Nam Tử! Nếu có được người đeo giữ đó ắt đồng với thấy thân của Kim Cương, như thấy tháp Xá Lợi, lại như thấy Đức Như Lai, lại như thấy người có đủ một trăm câu chi Trí Tuệ. Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện mà hay y theo Pháp, niệm **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này, thì người đó sẽ được Biện Tài không cùng tận, được nhóm Trí thanh tịnh, được Đại Từ Bi. Người như vậy, ngày ngày được đầy đủ Công Đức viên mãn của sáu Ba La Mật Đa (*Pāramitā*). Người đó được **Chuyển Luân Quán Đỉnh** (*Cakravatyābhiṣekaṃ*) của cõi Trời, hơi phát ra từ trong miệng của người đó chạm đến thân người khác thì người được tiếp chạm phát khởi tâm lành, lìa các sân độc, sẽ được **Bất Thoái Chuyển Bồ Tát** (*Tevaivartikādhi-Bodhisattva*), mau chóng chứng được **A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề** (*Anuttāra-samyaksaṃbuddhi*: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác). Nếu người đeo giữ và thọ trì lấy tay chạm vào thân của người khác thì người đã được rờ chạm ấy mau được địa vị của Bồ Tát. Nếu người đeo giữ đó nhìn thấy người nam, người nữ, đồng nam, đồng nữ cho đến thân của các hữu tình khác loài… người đã được nhìn thấy như vậy thảy đều mau được địa vị của Bồ Tát. Người như vậy vĩnh viễn chẳng bị khổ bởi sinh, già, bệnh, chết; khổ vì yêu thương mà phải xa lìa… mà được sự niệm tụng tương ưng chẳng thể luận bàn. Nay **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này được nói như vậy".

Đức Phật lại bảo rằng: "Thiện Nam Tử! Nếu có người viết chép **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này ắt đồng với người viết chép tám vạn bốn ngàn Pháp Tạng mà không có khác. Nếu có người đem vàng báu của cõi Trời tạo làm số hình tượng Đức **Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác**, nhiều như bụi nhỏ. Như vậy làm xong, rồi ở một ngày vui mừng khen ngợi cúng dường thời Quả Báo đã được chẳng bằng Quả Báo đã được của người viết chép một chữ trong **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này, Công Đức chẳng thể luận bàn, khéo trụ Giải Thoát Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện y theo Pháp, niệm **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** này thì người đó sẽ được **Tam Ma Địa** (*Samādhi*), ấy là: Tam Ma Địa Trì Ma Ni Bảo (*Maṇi-dhara*), Tam Ma Địa Quảng Bác (*Vipula*), Tam Ma Địa Thanh Tịnh Địa Ngục Bàng Sinh (*Narakatiryaksaṃ-śodhana*), Tam Ma Địa Kim Cương Giáp Trụ (*Vajra-kavaca*), Tam Ma Địa Diệu Túc Bình Mãn (*Supratiṣṭhi-caraṇa*), Tam Ma Địa Nhập Chư Phương Tiện (*Sarvopāyakauśalya-praveśana*), Tam Ma Địa Quán Trang Nghiêm

(*Dhyānālaṃkara*), Tam Ma Địa Pháp Xa Thanh (*Dharma-rathābhirūdha*), Tam Ma Địa Viễn Ly Tham Sân Si (*Rāga-dveṣa-moha-parimokṣaṇa*), Tam Ma Địa Vô Biên Tế (*Ananta-vasta*), Tam Ma Địa Lục Ba La Mật Môn (*Ṣaṭ-pāramitā-nirdeśa*), Tam Ma Địa Trì Đại Diệu Cao (*Mahā-meru-dhara*), Tam Ma Địa Cứu Chư Bố Úy (*Sarvabhavottāraṇa*), Tam Ma Địa Hiện Chư Phật Sát (*Sarva-buddha-kṣetra-saṃdarśaṇa*)… được 108 Tam Ma Địa của nhóm như vậy".

Kinh này lại ghi rằng:

"Trừ Cái Chướng! **Mẫu Bát Nhã Ba La Mật Đa** của tất cả Như Lai tuyên nói Lục Tự Đại Minh Vương như thế. Tất cả Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác với chúng Bồ Tát, thảy đều cung kính chắp tay làm lễ. Thiện Nam Tử! Pháp này là **Tối Thượng Tinh Thuần Vi Diệu** ở trong Đại Thừa. Tại sao thế? Vì đối với các **Khế Kinh** của Đại Thừa (*Mahāyāna-sūtraṃ*): Ứng Tụng (*geya*), Thọ Ký (*Vyākaraṇa*), Phúng Tụng (*Gāthā*), Thí Dụ (*Avadana*), Bản Sinh (*Jātaka*), Phương Quảng (*Vaipulya*), Hy Pháp (*Adbhuta-dharma*), Luận Nghị (*Upadeśa*)… đắc được trong đó."

Lại nữa, Kinh **Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương** còn ghi nhận quá trình hóa độ các chúng sinh trong 06 nẻo luân hồi của Đức Đại Bi **Quán Tự Tại** và minh họa công đức uy thần, năng lực cứu độ vi diệu của Ngài đồng thời khẳng định rằng mọi công đức uy thần mà Ngài có được đều là thành quả của sự chứng đắc **Lục Tự Đại Minh Chú**.

Qua nhiều truyền thống về Lục Tự Đại Minh Chú như Tây Tạng, Trung Hoa, Nhật Bản và Việt Nam…, các bậc Đạo sư Mật Giáo đều công nhận Minh Chú này chính là biểu tượng của ***Bản Tâm Đại Từ Đại Bi*** của **Đức Quán Thế Âm Bồ Tát** và cũng là ***Trí Tuệ Tinh Túy*** của tất cả chư Phật 10 phương, hàm chứa mọi phước báo của Thế Gian và Xuất Thế Gian, nên phải dốc sức tin kính trì niệm, y Pháp phụng hành để mau chóng cùng nhau vượt thoát mọi sự khổ đau, chấm dứt vòng sinh tử luân hồi.

Về ý nghĩa của Lục Tự Đại Minh Chú thì tùy theo mỗi quan điểm của từng truyền thống mà có chút dị biệt tuy nhiên vẫn không nằm ngoài tinh thần Đại Từ Bi và Trí Tuệ Giải Thoát của Phật giáo.

OṂ: Nhiếp triệu 3 nghiệp Thân, Khẩu, Ý.
MAṆI: Viên ngọc Như Ý, tượng trưng cho Trí Tuệ.
PADME: bên trong Hoa Sen, tượng trưng cho Phước Báo được vun bồi, lòng Từ Bi.

HŪṂ: ý nghĩa cao đẹp của sự sống, thành tựu Tâm Bồ Đề.

Chung nhất, OṂ MAṆI PADME HŪṂ có thể được diễn dịch là:

> "***Khi chân chính thức ngộ được Phật Tính bất diệt vốn có trong Tâm của mình thì cuộc sống cá nhân mới thực sự có ý nghĩa cao đẹp nhất***".

Ý tưởng này đã được **Kinh Pháp Hoa** (*Sad-dharma-Puṇḍarika Sūtra*) minh họa qua hình ảnh một kẻ nghèo khổ mang viên ngọc quý trong người mà chẳng biết, lại cứ mải mê chìm đắm trong cuộc sống đói khát lang thang. Đến lúc gặp một người tốt chỉ cho biết là mình vốn mang viên ngọc quý thì kẻ kia chợt bừng tỉnh và từ đó người cùng tử ấy bắt đầu thực hiện một cuộc sống đầy ấm êm và khoái lạc.

B. Đồ hình Lục Tự Đại Minh Bản Mệnh Hộ Thân:

Các bậc Đạo Sư đã vận dụng hình thức vị trí của 6 chữ của Minh Chú để hình thành nên các loại Pháp Tu.

(1)

(2)

(3)

- Khi tu nhằm lợi ích cho tự thân mình thì thờ phượng và quán đồ hình **(1)**.
- Khi tu nhằm lợi ích cho người khác thì phụng thờ và quán đồ hình **(2)**.
- Khi tu nhằm lợi ích cho mình và người khác thì phụng thờ và quán đồ hình **(3)**.

Mật Giáo Nepal đã vận dụng 12 hình thức ứng hóa của Bồ Tát Quán Thế Âm theo 12 tháng Âm Lịch trong năm để thực hiện Pháp Tu mang lại lợi ích cho nhiều người hơn.

- Tháng Giêng (Dần): ***Siṃhanāda Lokeśvara*** (Sư Tử Hống Thế Tự Tại)

Chân ngôn là: OṂ SIṂHANĀDA LOKEŚVARA NAMAḤ

- Tháng Hai (Mão): ***Padmanrita Lokeśvara***

Chân ngôn là: OṂ PADMANRITA LOKEŚVARA NAMAḤ

ཨོཾ པདྨ་ནྲི་ཏ་ལོ་ཀེ་ཤ་ར་ནམཿ

- Tháng Ba (Thìn): ***Hariharihari Vahana Lokeśvara***

Chân ngôn là: OṂ HARIHARIHARI VAHANA LOKEŚVARA NAMAḤ

ཨོཾ ཧ་ལི་ཧ་ལི་ཧ་ལི་ ཝ་ཧ་ན ལོ་ཀེ་ཤ་ར་ནམཿ

- Tháng Tư (Tỵ): ***Trailokya Vasankari Lokeśvara***

Chân ngôn là: OṂ TRAILOKYA VASANKARI LOKEŚVARA NAMAḤ

ཨོཾ ཏྲཻ་ལོ་ཀྱ ཝ་ས་ཀ་ལི་ ལོ་ཀེ་ཤ་ར་ནམཿ

- Tháng Năm (Ngọ): ***Rakta Lokeśvara*** (Xích Châu Thế Tự Tại)

Chân ngôn là: OṂ RAKTA LOKEŚVARA NAMAḤ

ཨོཾ ར་ཀ ལོ་ཀེ་ཤ་ར་ནམཿ

- Tháng Sáu (Mùi): ***Nīlakaṇṭha Lokeśvara*** (Thanh Cảnh Thế Tự Tại)

Chân ngôn là: OṂ NĪLAKAṆṬHA LOKEŚVARA NAMAḤ

ཨོཾ ནཱི་ལ་ཀཎ་ཋ ལོ་ཀེ་ཤ་ར་ནམཿ

- Tháng Bảy (Thân): ***Māyājāla Lokeśvara*** (Huyễn Hóa Võng Thế Tự Tại)

Chân ngôn là: OṂ MĀYĀJĀLA LOKEŚVARA NAMAḤ

ཨོཾ ཨ་ཡ་རྫ་ལ ལོ་ཀེ་ཤ་ར་ནམཿ

- Tháng Tám (Dậu): ***Kāraṇḍavyūha Lokeśvara*** (Bảo Trang Nghiêm Thế Tự Tại)

Chân ngôn là: OṂ KĀRAṆḌAVYŪHA LOKEŚVARA NAMAḤ

ཨོཾ ཀ་ཤ་ཎ་ཌ་ལ ལོ་ཀེ་ཤ་ར་ནམཿ

- Tháng Chín (Tuất): ***Ṣaḍ-akṣarī Lokeśvara*** (Lục Tự Thế Tự Tại)

Chân ngôn là: OṂ ṢAḌ-AKṢARĪ LOKEŚVARA NAMAḤ

ཨོཾ ཥ-ཀ-ཥ-ཀ-ཡ ལོ་ཀེ་ཤ་ར་ནམཿ

- Tháng Mười (Hợi): ***Śrīmat Lokeśvara*** (Cát Tường Hỷ Thế Tự Tại)

Chân ngôn là: OṂ ŚRĪMAT LOKEŚVARA NAMAḤ

ཨོཾ ཤྲཱི་མཏ་ལོཀེ་ཤ་ར་ཡ་ནམཿ

- Tháng Mười Một (Tý): ***Hālāhalahala Lokeśvara***

Chân ngôn là: OṂ HĀLĀHALAHALA LOKEŚVARA NAMAḤ

ཨོཾ ཧཱ་ལཱ་ཧ་ལ་ཧ་ལ་ལོཀེ་ཤ་ར་ཡ་ནམཿ

- Tháng Mười Hai (Sửu): ***Khasārpaṇa Lokeśvara*** (Cáp Lị Thế Tự Tại)

Chân ngôn là: OṂ KHASĀRPAṆA LOKEŚVARA NAMAḤ

ཨོཾ ཁ་ས་ཪ་པ་ཎ་ལོཀེ་ཤ་ར་ཡ་ནམཿ

Các Chân ngôn (*mantra*) bên trên theo một cú pháp gọi là Thần Chú Tên (*Nāma-mantra*). Bên cạnh cấu trúc "***Oṃ …****(danh hiệu Bản Tôn)* ***Namaḥ***" thì có có một số các cấu trúc khác để tạo thành các câu Thần chú như:

"***Oṃ Namo …****(danh hiệu Bản Tôn)****+aya***", tên của Bản Tôn được chia theo biến cách thứ 4 – Gián bổ cách.

<u>Ví dụ</u>: *Oṃ Namo Siṃhanāda Lokeśvarāya*

"***Oṃ …****(danh hiệu Bản Tôn)* ***Svāhā***", ở đây tên của các Tôn là hóa thân của Đức Quán Tự Tại nên có thể thêm vào chủng tự ***Hrīḥ*** phía trước *Svāhā*.

<u>Ví dụ</u>: *Oṃ Siṃhanāda Lokeśvara Svāhā*

Oṃ Siṃhanāda Lokeśvara Hrīḥ Svāhā

<u>Ví dụ một số cách khác</u>:

Oṃ Hriḥ Siṃhanāda Lokeśvarāya Namo Namaḥ

…

Từ đó nhằm tăng cường uy lực tự hộ thân mình, hình thành nên cấu trúc đồ hình của **Lục Tự Đại Minh Bản Mệnh Hộ Thân Pháp**.

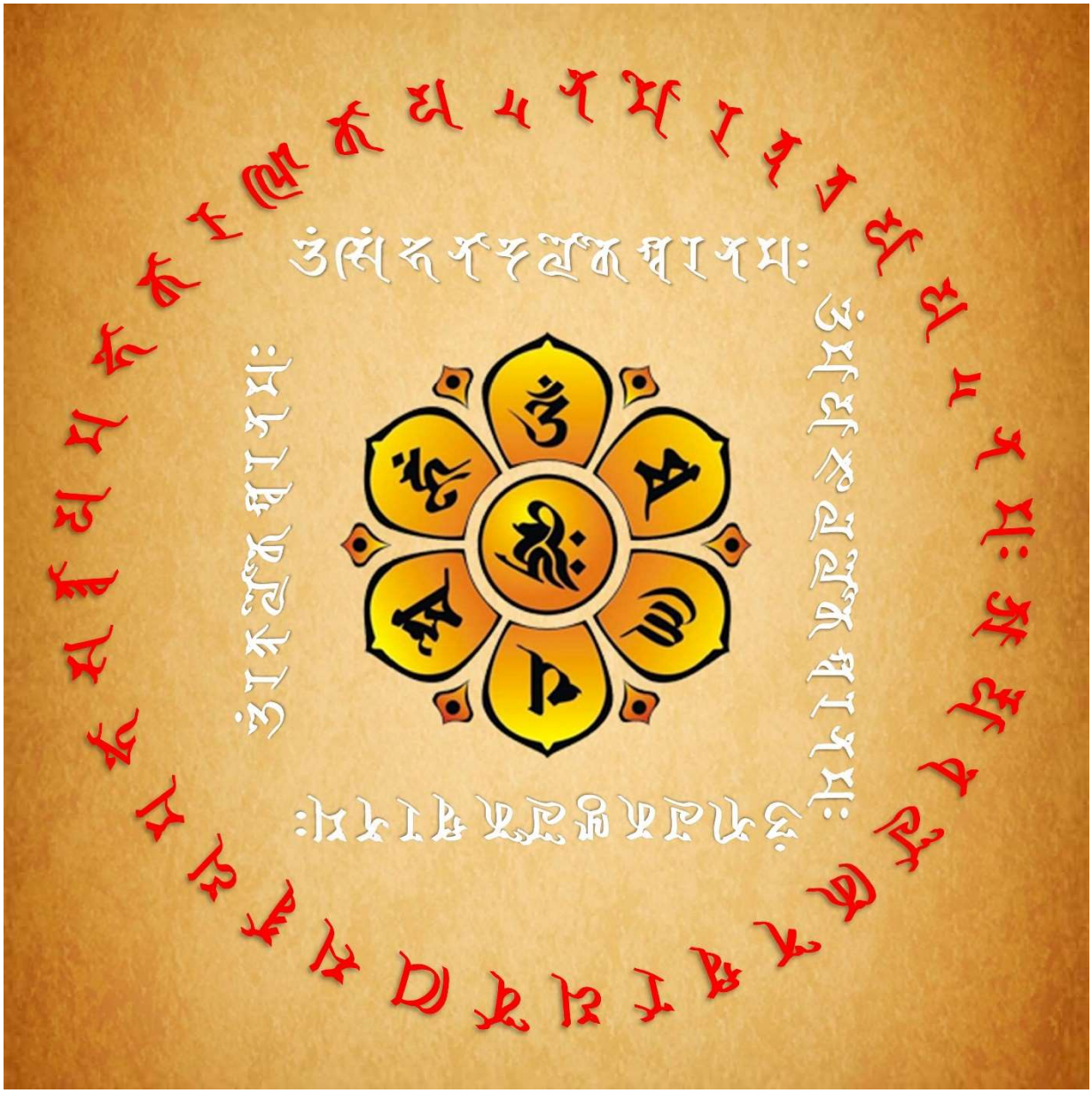

Lục Tự Đại Minh Bản Mệnh Hộ Thân
của một Hành giả sinh vào ***năm Dần***, ***tháng Thân***, ***ngày Mùi***, ***giờ Ngọ***.

C. Cách tạo lập và sơ lược ý nghĩa của Đồ hình:

Vì đây là một Đồ hình Bản Mệnh Hộ Thân nên chữ của các câu Thần chú đều hướng vào nơi trung tâm của đồ hình.

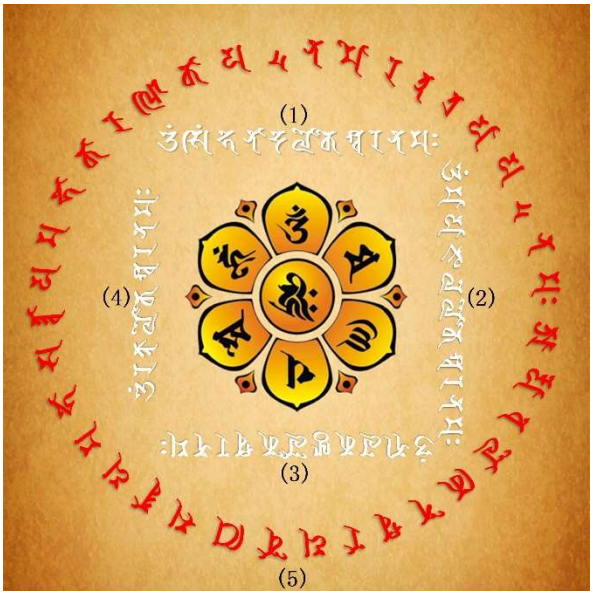

- Câu Thần chú màu đỏ chạy vòng ngoài là: *Namo ratna-trayāya. Namaḥ ārya-avalokiteśvarāya bodhi-sattvāya mahā-sattvāya mahā-kāruṇikāya.*

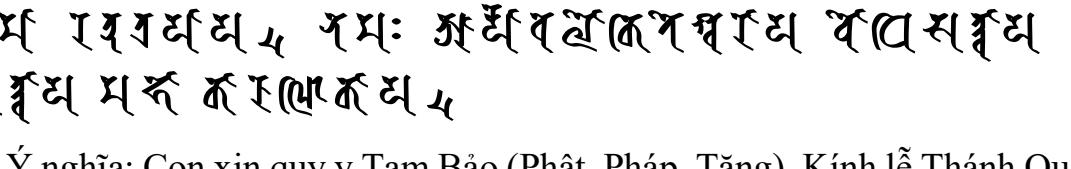

<u>Ý nghĩa</u>: Con xin quy y Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng). Kính lễ Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát, đấng Đại Sĩ, bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi.

<u>Chú giải</u>: **Con xin quy y Tam Bảo.**

Phàm là con người, chúng ta thường hướng ra phía ngoài quan sát vạn vật để thâu lượm kiến thức rồi lại dựa trên những kiến thức đó đánh giá mọi hiện tượng theo quan điểm riêng của mình. Chính vì thế cho nên bản chất chân thật của vạn vật đã bị che mờ và muôn vật, muôn sự đã chồng chất kết hợp cùng nhau tạo dựng cho chúng ta một **cái Tôi** (*Ātma*) chứa đầy tham dục, sân hận, si mê. Do chiều theo cái Tôi đó, chúng ta tự kéo mình lao vào cái vòng lẩn quẩn "**Hạnh phúc, Khổ đau**" mà phần lớn là đón nhận sự buồn phiền, đau khổ. Đôi khi vì quá đau buồn, chúng ta khởi tâm tìm kiếm sự sung sướng hạnh phúc hơn. Nhưng khi va chạm vào thực tế phũ phàng, chúng ta lại cảm thấy mình quá yếu đuối, nên vội tìm một nơi nương tựa.

Hoặc có người nương tựa vào danh vọng, quyền lực, tiền tài của hàng vua chúa, quan quyền, trưởng giả. Hoặc có người đắm mình trong biển mộng yêu đương. Hoặc có người lao vào Thế Giới huyền linh thần bí để mong cầu Thế Giới này ban cho sự an nhàn hạnh phúc ở Thế Gian hay ở Thiên Đường, Bồng Lai Tiên Cảnh, Cực Lạc… Thế nhưng hầu hết con người đều không thật biết rằng mọi chỗ nương tựa ấy chỉ tạm thời hiện hữu rồi lại được thay thế bởi một chỗ nương tựa khác tùy theo sự mong muốn của Tâm Thức chúng ta: "***Khi chưa đạt được thì Tâm Thức ta khát khao đòi hỏi nhưng khi đạt được rồi thì Tâm Thức ta lại chán chường buông bỏ và lại tìm cầu mong mỏi mục tiêu khác***". Chính vì các vọng tưởng luôn thay đổi hình thức từ Thô đến Tế, luôn chuyển biến tùy theo Tâm Thức khát ái vị kỷ nên chúng ta phải chịu tái sinh trong 6 nẻo để thọ nhận mọi cảm giác vui, khổ và không biết đến bao giờ chúng ta mới thực sự nhận được niềm hạnh phúc an lạc đích thực.

Hiện tượng "Được điều này lại mong điều khác" thường được các bậc Cổ Nhân minh họa qua các câu chuyện Truyền Kỳ: Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai, Từ Thức gặp Giáng Tiên… nhằm diễn tả ước vọng của con người là mong muốn đến cõi Tiên nhưng khi đến được rồi lại luyến nhớ cõi Trần và nhất quyết quay về chốn Nhân Gian, sau đó lại chán chường muốn lánh Tục tìm Tiên.

Nếu xét cho kỹ hơn, trong vòng Luân Hồi từ vô thủy, chúng ta đã từng trải qua mọi lạc thú của cõi Trời rồi lại nếm mùi đau khổ cùng cực của cõi Địa Ngục, sự kiêu hãnh của người chiến thắng và sự lo sợ lẫn tránh tai họa của loài vật, sự no say trong các bữa tiệc trưởng giả và sự đói khát thèm thuồng của loài Quỷ đói, sự vinh hoa uy quyền của vua chúa và sự tủi nhục cô đơn của kẻ tôi đòi, sự đắc chí chiếm đoạt và sự buồn thảm mất mát của loài A Tu La, chúng ta đã từng có thân thể tỏa sáng của Thần Mặt Trời và cũng đã chịu kiếp sống đen tối của cõi Hắc Ám… Cứ lang thang không mục đích chân thực như thế thì làm sao mới biết được nơi nào mới thật là chỗ đáng cho ta nương tựa?!...

Lục đạo luân hồi đã chán chê
Ngàn muôn ức kiếp chỉ cơn mê
Có, Không nào biết đâu là thật?
Chẳng nẻo nào đi, chẳng lối về!...

Do quá mệt mỏi với sự luân chuyển triền miên trong biển sinh tử, chúng ta sẽ phát khởi Tâm Ý tìm cầu phương pháp chân thật để vượt thoát sự khổ đau bất

toàn của vòng luân hồi. Nhưng vì quá hấp tấp, chúng ta vội vàng lao vào thực hiện các phương cách: Lễ bái cầu xin, ăn chay ép xác, tu khổ hạnh, luyện Thiền, luyện Tinh Khí Thần, cầu Phật, cầu Trời, cầu Thần Thánh… để mong mỏi đạt được sự an nhàn hạnh phúc mà không chịu thành thật quan sát xem Tâm Thức của mình có thực sự muốn giải thoát không? Hay mọi mong ước chỉ là biến tướng của Tâm Ngã Ái, Tâm Tham Dục… nên mọi công lao đổ ra, cuối cùng vẫn chỉ nhận lấy Quả Báo tái sinh trong 6 nẻo.

Thật ra mọi cảm giác hạnh phúc hay đau khổ của chúng ta ngay trong đời hiện tại chỉ là những trạng thái tạm thời của Tâm Thức mà thôi vì sự vui thích của người này có thể là sự kinh tởm của người khác. Ví như: Thịt chuột đồng là món ăn khoái khẩu của người này nhưng lại là món ăn ghê sợ của người khác, các ổ bánh mì đen là bữa ăn đầm ấm của những kẻ nghèo khổ đói khát nhưng lại là món ăn khó nuốt của những người giàu có no đủ. Chính vì thế sự an lạc chân thật chỉ xuất hiện trong Tâm Thức của người có cái nhìn vạn vật như thật. Nói cách khác khi một người đạt được sự sáng suốt, định tĩnh, trong lành thì mới có khả năng chứng thực được niềm hạnh phúc an lạc tối thượng.

Trong thật tế, ở bất kỳ một người nào vẫn luôn luôn có tồn tại ba điều là:

1_ Có ước muốn chân thật trong sạch, sống hoà hợp với vạn vật chung quanh. Tức là sự **trong lành**.

2_ Cố gắng thực hiện chính đúng vai trò trách nhiệm của chính mình trong cuộc sống. Tức là sự **Định Tĩnh**.

3_ Luôn luôn mong đạt được sự hiểu biết sáng suốt không mê lầm. Tức là sự **sáng suốt**.

Trong ba điều này thì việc "cố gắng thực hiện chính đúng vai trò trách nhiệm của chính mình trong cuộc sống" là nền tảng thực hiện được hai điều còn lại.

Nhưng làm thế nào để có thể phát huy ba điều này một cách tốt nhất mà không bị sai lầm?

(1) Muốn cho chính mình có được cuộc sống trong sạch, hòa hợp với mọi vạn vật chung quanh thì chúng ta cần phải dứt trừ các việc xấu ác, thực hiện các việc tốt lành. Trong đây việc xấu ác là những hành động dẫn đến sự gây hại cho chính mình hoặc gây tai hại cho người khác, còn việc tốt lành là những hành động đem lại kết quả tốt đẹp cho chính mình và người khác.

Việc xấu ác tuy có nhiều, nhưng thật ra vẫn không ra ngoài các hành động xấu ác của thân, miệng, ý. Trong đó:

> **Thân** có ba việc xấu ác là: sát sinh (*Pāṇāṭipāta*), trộm cắp (*Adattādāna*), Tà Dâm (*Kāma-mithyācāra*)
>
> **Miệng** có bốn việc xấu ác là: nói dối (*Mṛṣāvāda*), nói hai lưỡi, nói ly gián (*Paisunya*), nói điều ác (*Pāruṣyāt*), nói thêu dệt phù phiếm (*Saṃbhinnapralāpāt*)
>
> **Ý** có ba việc xấu ác là: tham dục (*Abhidhyāyāḥ*), giận dữ (*Vyāpādāt*), Tà Kiến (*Mithyā-dṛṣṭi*).

Nếu chúng ta tự mình chế ngự và xa lìa được mười hành động xấu ác bên trên, ấy là **Thân** không sát sinh, không trộm cắp, không Tà dâm. **Miệng** không nói dối, không nói hai lưỡi ly gián, không nói điều ác, không nói lời thêu dệt. **Ý** không có tham dục, không có gận dữ, không có Tà Kiến. Tức là chúng ta đã thực hiện các việc tốt lành và sẽ tự chiêu cảm được các quả tốt lành.

Trong thực tế, chúng ta không có ai sống đơn độc một mình mà không có quan hệ gì với con người và vạn vật chung quanh. Thế nên ngoài việc thực hiện mười điều tốt lành bên trên chúng ta cần phải biết kính trọng, báo đáp ân nghĩa, thương yêu giúp đỡ con người và vạn vật chung quanh mình qua sự bố thí lợi sinh tức biết cách gieo trồng ruộng Phước.

> "Phước Điền (*Puṇya-kṣetra*): Ruộng nghĩa là sinh trưởng, đối với người đáng cúng dường mà cúng dường ắt hay nhận được Phước Báo, giống như người nông phu gieo trồng khoảng ruộng, có thu lợi vào mùa Thu, cho nên gọi là ruộng Phước."

Ruộng Phước rộng rãi thông cả người của ba Thừa, Học, Vô Học có điều trong ấy dùng Phật làm ruộng Phước tối thắng.

> Ngay trong các loại ruộng Phước thì Đức Phật, Đệ Tử của Phật, người tu hành đều là bậc nhận được sự tôn kính, nên xưng là **Kính Điền** (ruộng tôn kính).
>
> Cha mẹ với sư trưởng đều là bậc nhận được sự báo ân, nên xưng là **Ân Điền** (ruộng ân nghĩa).
>
> Người nghèo túng, người bị bệnh… nhận được sự thương xót, nên xưng là **Bi Điền** (ruộng của lòng trắc ẩn, thương xót).

Nhóm này gọi chung là ***ba ruộng Phước***.

Nếu chúng ta tự mình thực hiện đầy đủ mười việc lành kèm với việc bố thí lợi sinh, tức là chúng ta đã thực hiện được cuộc sống trong sạch, hòa hợp với vạn vật chung quanh.

(2) Nếu Tâm Thức của chúng ta vẫn còn dính mắc vào các quả báo tốt xấu thì chúng ta vẫn phải chịu sự sinh tử luân hồi trong các cõi Người, Trời không thoát ra khỏi được. Vì thế, chúng ta cần phải thực hiện các công việc tịnh hóa Tâm Ý của chính mình bằng cách buông bỏ Tâm Ý chấp dính vào các việc tốt lành đã làm và luôn luôn thực hiện các việc tốt lành này một cách tự nhiên tùy theo khả năng.

Pháp hỗ trợ tốt nhất cho việc này là thực hành bốn Tâm Vô Lượng (*Catvāri-apramāṇāṇi*): Từ, Bi Hỷ, Xả

Giai đoạn Tự Giác (Xả, Hỷ, Bi, Từ):

> **Xả** (*Upekṣa*): Hành Giả cần phải biết buông bỏ những điều bất thiện và luôn luôn thực hành điều thiện nhằm lập công bồi đức. Trong giai đoạn tu tập này, Hành Giả tự làm giảm bớt thế lực chi phối của tâm Tham và tâm Nghi đồng thời phát khởi tâm buông bỏ vòng sinh tử khổ đau.
>
> **Hỷ** (*Mudita*): Hành Giả cần phải biết vui với sự thành công của người khác nhằm diệt trừ tâm đố kỵ, nuôi dưỡng tâm bình đẳng và phát tâm xấu hổ để tiến tu. Trong giai đoạn tu tập này, Hành Giả tự làm giảm thế lực chi phối của Tâm Sân và Tâm Mạn (kiêu ngạo, khinh thường người khác).
>
> **Bi** (*Kāruṇa*): Hành Giả biết khởi lòng thương xót khi gặp những nỗi khổ đau của người khác. Trong giai đoạn tu tập này, Hành Giả tự làm giảm thế lực chi phối các tâm Ác Kiến.
>
> **Từ** (*Maitri*): Hành Giả biết khởi tâm mong muốn đem lại niềm an vui hạnh phúc cho người khác.Trong giai đoạn tu tập này, Hành Giả tự giảm bớt thế lực chi phối của tâm Si.

Do thường xuyên tu tập các Pháp trên, Hành Giả tự biết rằng muốn cứu giúp người khác thì tự bản thân phải có đủ khả năng. Nhờ vậy Hành Giả luôn tinh tiến tu tập tịnh hóa thân tâm của mình cho đến khi thực sự mong muốn thành Phật để hóa độ chúng hữu tình. Đây mới đúng là **Chân thật phát Tâm Bồ Đề**.

Giai đoạn Giác Tha (Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả):

> **Đại Từ** (*Mahā-maitri*): Hành Giả trải rộng tâm mong muốn đem lại sự an vui cho tất cả chúng hữu tình (dứt trừ Tham).
>
> **Đại Bi** (*Mahā-kāruṇa*): Hành Giả trải rộng tâm muốn cứu giúp tất cả chúng Hữu Tình thoát khỏi mọi sự khổ đau (dứt trừ Sân).
>
> **Đại Hỷ** (*Mahā-mudita*): Hành Giả trải rộng tâm vui vẻ tán thán tất cả chúng Hữu Tình biết thực hiện Chính Pháp Giải Thoát (dứt trừ Mạn và Ác Kiến).
>
> **Đại Xả** (*Mahā-upekṣa*): Hành giả trải rộng Tâm như hư không không dính mắc vào bất cứ hình thức nào (dứt trừ Nghi và Si).

Các Pháp này được thực hiện theo **Thiền Quán** và thi hành qua các hành động cụ thể cho đến khi Hành Giả thực sự chứng đắc được trạng thái an lạc tịch tĩnh (thực chứng **Vô Ngã**).

Đây cũng chính là công việc cần thiết mà chúng ta phải tự mình làm. Như chư Phật và các bậc Thánh Đệ Tử của Ngài, sau khi chứng ngộ xong đều nói rằng: "***Những việc cần làm, Ta đã làm xong***".

(3) Khi đã chứng đắc được trạng thái an lạc tịch tĩnh tức là chúng ta đã được sự hiểu biết sáng suốt không mê lầm giống như các bậc Thánh Giải Thoát và dứt trừ hẳn sự sinh tử luân hồi trong sáu nẻo.

Thế nên, các bậc Đạo Sư Phật Giáo đã giảng dạy rằng: ***sự sáng suốt***, ***sự định tĩnh***, ***sự trong lành*** chính là **3 Báu** vốn có sẵn trong Tâm Thức của mỗi một chúng sinh. Trong đó sự sáng suốt (*Budhi*) được gọi là ***Tuệ Giác*** hay **Phật Bảo** (*Buddha-ratna*), sự định tĩnh (*Samādhi*) hay ***Tâm Thức vắng lặng trong suốt*** được gọi là **Pháp Bảo** (*Dharma-ratna*), sự trong lành (*Viśuddhe*) hay ***Tâm Thức vượt thoát tham dục phiền não*** được gọi là **Tăng Bảo** (*Saṃgha-ratna*). Ba báu này còn được nói gọn lại là: Phật là **Giác**, Pháp là **Chính**, Tăng là **Tịnh**.

Chính vì lý do này, Đức Phật đã tuyên bố: "***Ta là Phật đã thành, các ngươi là Phật sẽ thành***".

Có điều khi đang là Phàm Phu, Tâm Thức chúng ta thường âm thầm tuân theo sự Chấp Ngã nên 3 độc Tham (*Lobha*), Sân (*Dveṣa*), Si (*Moha*) luôn thay đổi nhau che lấp 3 Báu vốn có này khiến cho chúng ta khó có thể trực nhận được

trạng thái giải thoát phiền não khổ đau. Thế nên để có thể giúp cho mọi chúng sinh tự đánh thức được 3 Báu (sáng suốt, định tĩnh, trong lành) vốn có của mình, các bậc Đạo Sư đã dùng 3 Báu bên ngoài tạo thành những biểu tượng kết tinh và dẫn dắt những lời cầu nguyện của người Phật Tử chân chính, người đang mong mỏi vượt thoát sự trói buộc của vòng sinh tử khổ đau, đó là 3 Báu: **Phật** (*Buddha*) **Pháp** (*Dharma*) **Tăng** (*Saṃgha*).

PHẬT (*Buddha*): Là bậc có Trí Tuệ viên mãn, thông hiểu lý sự chân thật của vạn vật, hoàn toàn vượt thoát mọi sự khổ đau trói buộc của vòng sinh tử luân hồi, hoàn thành công hạnh "***Tự Giác, Giác Tha, Giác Hạnh viên mãn***". Thông thường Đức Phật bên ngoài được minh họa qua các Tôn Tượng với hình thức Xuất Gia, có đầy đủ mọi tướng tốt mọi vẻ đẹp đoan chính trang nghiêm hàm chứa 3 đặc tính: Trí Tuệ, Từ Bi, Vị Tha.

PHÁP (*Dharma*): Là sự an định sâu xa nhất của một vật thể tức là cái duy trì được Tự Tính của nó khiến cho người ta nhận ra được nó là cái gì. Trong Tam Bảo, Pháp là đường lối giúp cho người tu hành chứng đạt được sự giải thoát sinh tử luân hồi. Thông thường, Pháp Bảo bên ngoài được minh họa qua Kinh Điển, Pháp Khí, ngôn ngữ dạy đạo, phương cách tu tập.

TĂNG (*Saṃgha*): dịch nghĩa là Chúng hay Hợp Chúng, tức là những người có cuộc sống trong sạch hoà hợp, luôn tinh tiến tu tập giáo pháp giải thoát nhằm đào tận phiền não, điều phục thân tâm vượt thoát Tham Dục dứt trừ Ngu Si. Trong Tam Bảo, Tăng là bậc "***Trên cầu Bồ Đề, dưới hóa độ chúng sinh***". Thông thường, Tăng Bảo bên ngoài được minh họa qua các vị có Đạo Hạnh hoặc các vị xuất gia, cạo tóc, mặc áo Cà Sa, thọ đủ Cấm Giới và có khả năng giáo hóa hay nêu gương tốt cho người cầu đạo.

Do vậy, 3 Báu bên ngoài là **Phật** (các Đấng Giác Ngộ) **Pháp** (Chân lý đưa tới Giác Ngộ) **Tăng** (những người có Đạo Hạnh đang tiến bước trên con đường Giác Ngộ, chứ không nhằm chỉ riêng cho người xuất gia) được xem là 3 vật Báu tôn quý nhất trong Thế Gian và là ruộng Phước cho những người học Phật nương tựa vào đó để Tác Ý tu sửa thân tâm, vượt thoát sự đọa lạc trong các nẻo ác.

Tuy nhiên, nếu chỉ dựa vào Tam Bảo với Tâm Ý ỷ lại thì thật là sai lầm vì Chư Phật không thể đưa tay ban phép để rửa sạch tội lỗi cho chúng Hữu Tình hay trao cho sự Giác Ngộ tối thượng mà chính họ phải tự làm lành lánh dữ, tự tịnh hóa Tâm Thức để dứt trừ 3 độc Tham, Sân, Si thì họ mới có thể giải thoát sinh tử khổ đau được. Cũng như Đức Phật đã dạy:

"***Ta chỉ là người dẫn đường, vạch rõ phương cách cho chúng sinh đi đến nẻo giải thoát. Nhưng đi hay không là tự chúng***".

Thế nhưng, nếu chúng ta xem xét kỹ về Tự Tính Tam Bảo, tức là ba báu vốn có trong mỗi một con người thì việc quy y Tam Bảo quả rất cần thiết. Phàm ở trong bất kỳ thời đại nào (có giáo lý của Đức Phật, hay không có giáo lý của Đức Phật) thì vẫn luôn luôn tồn tại ba điều trong con người và chúng chính là đặc tính của Tự Tính Tam Bảo:

1_ Có ước muốn chân thật trong sạch, sống hoà hợp với vạn vật chung quanh, tức là **Tịnh** hay **trong lành** (biểu thị cho Tự Tính Tăng Bảo). Vì chân thật nên không gây tổn hại, mà làm lợi cho chúng sinh, cùng giúp nhau tiến bộ, tạo nên nền tảng hòa hợp chân thật thanh tịnh, từ đó mới hiển lộ con đường chân chính.

2_ Cố gắng thực hiện chính đúng vai trò trách nhiệm của chính mình để tịnh hoá Nghiệp Thức, tức là **Chính** hay **Định Tĩnh** (biểu thị cho Tự Tính Pháp Bảo). Con đường chân chính luôn soi sáng, tỏa chiếu, dẫn lối cho người thiện lành có tâm chân thật đến quả vị Giải Thoát.

3_ Luôn luôn mong đạt được sự hiểu biết sáng suốt không mê lầm, tức là **Tuệ** hay **sáng suốt** (biểu thị cho Tự Tính Phật Bảo). Do đó trở thành một vị Giác Ngộ hoàn toàn, Giải Thoát, hiểu biết rõ ràng hoàn tất, thấu đáo tất cả mọi thứ.

Trong ba điều này thì việc "cố gắng thực hiện chính đúng vai trò trách nhiệm của chính mình để tịnh hoá Nghiệp Thức" (**Chính Pháp cá nhân**) là nền tảng thực hiện được hai điều còn lại ở ngay chính mỗi người.

Lại nữa Giới Luật (*Śīla*: Thanh Lương Giới) là khuôn phép giúp cho người tu hành ngăn chặn điều ác, phát huy điều lành, sống trong sạch hoà hợp với vạn vật và tinh tiến làm việc của chính mình để tịnh hoá Nghiệp Thức, thúc đẩy cá nhân đạt được sự giác ngộ. Do vậy, Đức Phật chỉ cần nhấn mạnh "***hãy lấy Giới Luật làm Thầy***" tức đã hàm chứa đầy đủ ý nghĩa của việc quy y **Tự Tính Tam Bảo**.

Như vậy, đối với người Phật Tử thì "**Quy y Tam Bảo**" chính là Giới Luật đầu tiên cần phải được thọ nhận và cần phải thực hành một cách nghiêm mật để tránh khỏi sự đọa lạc vào các nẻo ác. Đối với bậc Thượng Căn khi thực hiện viên mãn Giới Luật này sẽ chứng đạt ngay quả vị Giải Thoát trong đời sống

này. Chính vì thế cho nên các Đà La Ni của Mật Giáo thường bắt đầu bằng câu:

"***Con xin quy y Tam Bảo***".

Chú giải: **Kính lễ Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát, đấng Đại Sĩ, bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi.**

Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi (*mahā-kāruṇika*): là bậc luôn khởi Tâm làm mọi cách cần thiết để làm vơi bớt nỗi khổ đau cho tất cả chúng sinh hoặc tự hiến thân phụng sự kẻ khác, gánh lấy khổ đau giùm họ. Từ đó giúp họ tự dứt trừ **Ngã Chấp**, **Ngã Ái** trong Tâm mà thọ hưởng sự an vui trong sáng.

"***Hãy đem lợi lộc và vinh quang cho kẻ khác***
Hãy nhận sự thua thiệt và thất bại về mình" (Langri Tangpa)

Sự kiện này theo óc luận lý tri thức của nhân sinh là một điều phi lý. Nhưng đối với các bậc giải thoát thì khác hẳn, do các Ngài nhận thấy: "***Sinh linh nào cũng là mình và mình hiện hữu ở mọi sinh linh***" nên các Ngài an nhiên hóa độ chúng sinh mà không hề so đo tính toán. Vì thế, công tác cứu độ đối với Ngài là một, Giải Thoát là Cứu Độ, cá thể là một hành động sống chứ không phải là một ý niệm khô chết. Đối với các Ngài: Làm việc là hạnh phúc, hạnh phúc là làm việc, nhất là hạnh phúc được xây dựng trên nền tảng "***Ban vui cứu khổ***". Và từ tình thương bao la bát ngát này, lý tưởng cứu độ đã dần dần thể hiện thành con đường dẫn tới hạnh phúc cho nhân loại. Như thế Đức Tính căn bản của các Bậc Giải Thoát là tinh thần phục vụ vị tha và tinh thần vị tha này đã bao trùm toàn bộ Giáo Lý của **Đại Thừa** (*Mahā-yāna*).

Ngài **Tịch Thiên** (*Śānti-deva*) có nguyện rằng:

> "Tôi xin quên mình để phụng sự chúng sinh. Dù có bị đánh đập mắng chửi, chém giết hay bị xem như một món vật mua vui đi nữa, Tâm tôi vẫn vắng lặng vì tôi đã xả bỏ thân này cho họ rồi! Còn gì đâu mà lo lắng.
> Dù họ có sung sướng trong khi hành hạ thân tôi, tôi cũng nguyện xin cho họ không bị quả báo.
> Dù họ có tức giận, ác ý với tôi. Có vu khống não hại và chế diễu tôi. Tôi cũng nguyện xin cho tất cả đắc quả Bồ Đề.
> Tôi nguyện là người bảo vệ cho những kẻ yếu đuối, người chỉ đường cho những hành khách, một con thuyền hay một cái cầu cho những kẻ muốn qua sông, một ngọn đèn cho những ai đi trong đêm tối, một cái

giường cho những ai muốn nằm nghỉ, một kẻ nô lệ cho những ai cần nô lệ.

Tôi nguyện sẽ là viên ngọc phép (*Cintāmaṇi*), một cái lu thần (*Bhadragata*), một Linh Chú (*Siddha-vidyā*) , một loại cỏ thuốc (*Mahā-Ushadhi*), một cây Như Ý (*Kalpa-vṛkṣa*), và một con bò ước (*Kāma-dhenu*) cho tất cả chúng sinh.

Cũng như Địa Đại và các Đại khác cần thiết cho đời sống của vô số chúng sinh trong khắp hư không. Tôi nguyện sẽ là người lợi ích cho tất cả mọi loài cho đến khi nào không còn một ai chưa giải thoát."

Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát: ***Quán Tự Tại*** (*Avalokiteśvara*) là xem xét mọi nơi ở phía dưới một cách tự tại. Bồ Tát Ma Ha Tát hay Bồ Tát Đại Sĩ (*Bodhi-sattvāya mahā-sattvāya*) là danh xưng chỉ một vị ***Giác Hữu Tình*** đã chứng đạt từ Địa thứ tám (Bất Động Địa: *Ācala-bhūmi*) trở lên, không còn thoái lui và quyết định sẽ thành bậc Chính Đẳng Chính Giác.

Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát là danh hiệu dùng để chỉ vị Bồ Tát ở cảnh Lý Sự Vô Ngại, quán đạt tự tại. Hoặc danh xưng này nhằm chỉ bậc Giác Hữu Tình đang tu hành Pháp Môn Quán Chiếu Thật Tại để hoàn thành Tuệ Giác Siêu Việt.

Theo Mật Tông Phật Giáo, khi trì tụng một Đà La Ni nào thì điều quan trọng nhất là phải quy mệnh với Bản Tôn của Đà La Ni ấy. Vì Bản Tôn của Lục Tự Đại Minh là Quán Tự Tại Bồ Tát nên chúng ta phải quy mệnh với Ngài để cầu khẩn Ngài phù hộ cho chúng ta thêm các phương tiện thiện xảo, ngỏ hầu cải sửa thân tâm mình và giúp ích cho những người chung quanh cùng tiến bộ.

Do Ngài đã phát Nguyện rằng: "***Nếu còn một chúng sinh nào chưa thành Chính Giác thì tôi nguyện không thành Chính Giác***" nên Ngài đã hiện muôn vàn hóa thân để quán sát nỗi khổ ở khắp mọi nơi trong 6 cõi luân hồi, dùng mọi phương tiện để giúp đỡ chúng sinh ở khắp mọi nơi. Do chí nguyện: "***Ban vui cứu khổ***" rộng lớn bao la này mà Ngài được gọi là **Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi** (*Mahā-kāruṇika*).

Theo ý nghĩa sâu xa hơn. Thông thường người ta hay nói: "***Vì quá bận rộn và căn cơ thấp kém nên Tôi không thể tu trong kiếp này được!***" và hay cầu nguyện cho kiếp sau. Nhưng xét cho kỹ, mang thân người đã là việc khó, mang được thân người lại có duyên lành gặp được Giáo Lý của Đức Phật Thích Ca là điều khó hơn. Nếu cứ mãi chờ đợi, hứa hẹn không chịu tu tập ngay trong đời này thì đến bao giờ mới thoát khỏi biển sinh tử được?! Vì thế dùng hồng

danh Quán Tự Tại nhằm nhắc nhở cho chúng ta biết rằng ***sự tự tại vô ngại có thể thành đạt ngay trong đường lối quán chiếu thật tại hiện tiền, ngay trên thân xác đang mang này***, ***miễn là biết cách Như Lý Tác Ý để diệt trừ Ngã Chấp và luyến ái về cuộc sống cho đến lúc nhận biết vạn Pháp như thật thì sẽ được tự tại***.

> Như một vị Thần Linh hỏi Đức Phật rằng: "Những người trú ngụ trong rừng sâu, những bậc Thánh sống đời Đạo Hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Tại sao vị ấy có vẻ tự tại?"
>
> Đức Phật bảo rằng: "Những vị ấy không than van buồn chán về những chuyện đã qua, không mảy may khao khát những điều chưa tới mà chỉ tập trung Tâm Trí vào hiện tại. Do đó các vị ấy được tự tại".

Có điều nếu chỉ mong muốn giải thoát cho riêng mình thì chưa đủ. Vì trải qua vô lượng kiếp sinh tử luân hồi, chúng ta có vô lượng vô số bà mẹ hiền ái cũng như có hằng hà sa số quyến thuộc. Số lượng này nhiều đến nỗi để Ta có thể cảm thấy rằng tất cả Hữu Tình đã từng là hình ảnh một bà mẹ, một người bạn, hay bà con thân thiết. Như thế chúng ta có thể nào đứng trên bờ giải thoát mà điềm nhiên nhìn họ đang chịu đau khổ, phiền não trong biển sinh tử sao?! …

Trong bức thư gửi cho môn đệ, Ngài Candra Gomin (Nguyệt Quan) có viết:

> "***Họ như những người bà con bị kẹt trong biển sinh tử***
> ***Bị rơi vào vòng nước xoáy của Đại Dương***
> ***Do trải qua nhiều lần sống chết, tái sinh***
> ***Bạn không nhận ra họ và bạn làm ngơ***
> ***Thật đáng khinh bỉ***
> ***Nếu bạn chỉ tự lo cứu lấy mình***"

Chính vì thế cho nên cách tốt nhất là chúng ta phải phát Tâm cứu vớt cho họ thoát khỏi mọi thứ đau khổ và làm sao cho họ có đủ mọi thứ an lạc, nhất là sự an lạc tịch tĩnh của mùi vị giải thoát. Đây là điểm khởi đầu để phát triển Tâm Đại Bi.

Nhưng "**Lực bất tòng Tâm**" vì ngay bây giờ, chúng ta không thể nào cứu tất cả khổ, ban tất cả vui, dù chỉ cho một người!… Bởi thế ta cần phải dốc sức tu tập, quán chiếu thật tại và thực hành Tâm Đại Bi qua lý tưởng "**Phục vụ vị tha**" mà Đức Quán Tự Tại Bồ Tát chính là biểu tượng cần thiết cho chúng ta phát Tâm noi theo vậy.

Qua đó, chúng ta nhận thấy rằng đồ hình này dùng năng lực nền tảng để thủ hộ đó là Tam Bảo và pháp tu của đức Quán Tự Tại Bồ Tát. Quả thật như vậy, để thành tựu bất kỳ việc gì dù là thế gian hay xuất thế gian phải hội tụ đủ 3 yếu tố:

1_ Lực gia trì của Tự Ngã (sự nỗ lực cố gắng của chính bản thân)
2_ Lực gia trì của chư Phật, Bồ Tát (sự thủ hộ, giúp đỡ của Tam Bảo, Đức Quán Tự Tại Bồ Tát)
3_ Lực gia trì của Pháp Giới (thuận theo nhân duyên, quy luật của vũ trụ, sự tác động của môi trường vạn vật xung quanh)

Về sự quy y Tam Bảo và pháp tu của Đức Quán Thế Âm đã trình bày sơ lược, nếu muốn thành tựu sự hộ thân, quán sát đồ hình rồi ta phải luôn tự nhắc nhở bản thân biết thuận theo nhân duyên, suy xét thật kỹ lưỡng để nỗ lực thực hành những Thiện Pháp ngay trong đời sống hiện tại.

- Câu Thần chú màu trắng số (1) chính là Thần chú Tên của vị hóa thân Quán Thế Âm thủ hộ theo năm sinh.
- Câu Thần chú màu trắng số (2) chính là Thần chú Tên của vị hóa thân Quán Thế Âm thủ hộ theo tháng sinh.
- Câu Thần chú màu trắng số (3) chính là Thần chú Tên của vị hóa thân Quán Thế Âm thủ hộ theo ngày sinh.
- Câu Thần chú màu trắng số (4) chính là Thần chú Tên của vị hóa thân Quán Thế Âm thủ hộ theo giờ sinh.
- Ở vị trí số (5), có thể viết Họ Tên, Pháp Danh của hành giả để nhận sự gia trì từ đồ hình.

- Phía giữa của đồ hình là Lục Tự Đại Minh Chú. Như đã trình bày, trọng yếu của Pháp tu này chính là Pháp Tứ Vô Lượng Tâm của Bồ Tát Quán Thế Âm; và đây là đồ hình Hộ Thân tức trong giai đoạn Tự Giác theo lộ trình Xả Hỷ Bi Từ nên chân các chữ chủng tử sẽ hướng vào trong để nương vào sự tiếp độ hộ trì của Bồ Tát Quán Thế Âm mà có thể nhanh chóng Tịnh Hóa Thân Tâm của mình.
- Nơi trung tâm đồ hình là chủng tự **HRĪḤ** được câu thần chú Lục Tự Đại Minh xoay quanh. Chữ HRĪḤ này là chủng tử của Liên Hoa Bộ, Phật A Di Đà, Bồ Tát Quán Thế Âm…

Chữ **HRĪḤ** được tạo thành từ 4 chữ **HA**, **RA**, **Ī, AḤ** tương ứng với THAM, SÂN, SI, NIẾT BÀN. Trong đó:

1) HA ཧ (*Hetu*) nghĩa là Nhân, nguồn gốc của đau khổ, chính do Tham mà ra. Do đó HA biểu trưng cho THAM.

2) RA ར nghĩa là Lửa hay Trần Cấu (*Rajas*), chính là lửa Sân nộ. Do đó RA biểu trưng cho SÂN.

3) Ī ཤ (*Īśvara*) nghĩa là Tự Tại, là đấng làm chủ được các phiền não của thế gian do gốc SI mà ra. Do đó Ī biểu trưng cho SI.

4) AḤ ཨཿ là chữ chủng tử thuộc nhóm A, Ā, AṂ, AḤ nghĩa là *Bodhi*, *Caryā*, *Samyak-sambodhi*, *Nirvāṇa* (Giác, Hạnh, Chánh Giác, Niết Bàn). Do đó AḤ biểu trưng cho NIẾT BÀN.

Ngoài ra, nguyên thể chữ HRĪḤ trong tiếng Phạn mang các nghĩa: xấu hổ, chừng mực, khiêm nhường, hạ mình. Do trì tụng chữ HRĪḤ với ý nghĩa này, hành giả sẽ luôn tâm niệm không tạo ra những điều Bất Thiện, tiêu trừ được sự Ngã Mạn, có được đầy đủ tất cả các pháp Vô Lậu và chứng đạt pháp giới thanh tịnh của Niết Bàn.

Lại nữa, theo **Lý Thú Thích** thì Đức Phật A Di Đà có Bi Nguyện tiếp dẫn chúng sinh, nên ở Thế giới Cực Lạc thì Ngài hiện **thân Phật** (*Buddha-kāya*) tên là **Vô Lượng Thọ** (*Amitāyus*) còn ở Thế giới Uế trược thì Ngài hiện thành **Bồ Tát Đại Bi** (*Mahā-kāruṇa Bodhisattva*) tên là **Quán Tự Tại** (*Avalokiteśvara*). Như thế nếu xét từ **Nhân** (*Hetu*) đến **Quả** (*Phala*) thì Quán Tự Tại Bồ Tát là một Tôn vị thân cận của Đức Phật A Di Đà. Còn xét từ **Nhân Vị tu hành** đến **Quả Đức thành tựu** thì vị Bồ Tát ấy trở thành Bộ chủ của Liên Hoa Bộ, thể hiện Trí phương tiện Phổ Môn của Đức Phật A Di Đà. Chính vì lý do này mà chủng tử *Hrīḥ* thường được đặt sau Lục Tự Đại Minh Chú, tức là "OṂ MAṆI PADME HŪṂ HRĪḤ".

Theo quan điểm khác, trong Chân Ngôn "OṂ MAṆI PADME HŪṂ HRĪḤ" thì chữ **HRĪḤ** biểu thị cho sự sống động tỏa nở tinh thần dâng hiến vị tha của Bồ Tát Đạo trong Lục Tự Minh Chú.

Để biểu thị ý nghĩa Tam Mật của Thân, Khẩu, Ý trong câu chú này, Lama Govinda đã diễn tả như sau:

> Trong OṂ chúng ta cảm nhận Pháp Thân và Bí mật của Thân phổ biến.
> Trong MAṆI là Báo Thân là bí mật của âm thanh thần chú, khơi dậy Tâm thức chiêm ngưỡng và cảm hứng.
> Trong PADME là Hóa Thân và bí mật của tâm ý biến đổi tất cả.

Trong HŪṂ, chúng ta cảm nhận thân Kim Cương là thân siêu việt tổng hợp Tam Mật.
Trong HRĪḤ, chúng ta dâng hiến tập hợp nhân vị của chúng ta trở thành thân Kim Cương để phục vụ Đức Phật A Di Đà. Điều này trong khi ấy có nghĩa là "***Lý tưởng Bồ Tát được thể hiện như nó đã được thể hiện trong hình tướng Đức Quán Thế Âm***".

D. Phương cách thực hành:

Đồ hình Lục Tự Đại Minh Bản Mệnh Hộ Thân này đơn giản có thể dùng hồng danh của Bản Tôn tức Quán Thế Âm Bồ Tát hoặc Tâm Chú của Ngài để hành trì.

Thánh hiệu: Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát (*Namo Avalokiteśvarāya*)

Tâm chú: OṂ MAṆI PADME HŪṂ

*Trì tụng giản lược:

"Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát
Bi Nguyện thật thâm sâu
Như mẹ hiền hộ giúp con
Vượt khổ đau nguy nàn
Niệm niệm Quán Thế Âm
Niệm trừ Tham, Sân, Si
Niệm niệm Từ Tâm khởi
Niệm niệm thành Giác Tuệ
Đại Bi Đại Nguyện Cứu Khổ Cứu Nạn Quan Thế Âm
Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát"

NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATTVĀYA MAHĀ-SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA
OṂ … NAMAḤ *(hóa thần theo năm sinh)*
OṂ … NAMAḤ *(hóa thần theo tháng sinh)*
OṂ … NAMAḤ *(hóa thần theo ngày sinh)*
OṂ … NAMAḤ *(hóa thần theo giờ sinh)*
OṂ MAṆI PADME HŪṂ

*Phương thức tu trì Lục Tự Đại Minh Bồ Tát:

Thân diệu sắc trắng tinh thanh tịnh

Mắt hiền từ nhìn ngó chúng sinh
Bốn tay hóa độ hữu tình
Bốn Tâm vô lượng hiện hình trang nghiêm
Đầu đội mão hiện **năm Trí Phật**
Khuyên muôn loài quy Phật Pháp Tăng
Chí luôn **lánh dữ làm lành**
Sửa **Tâm thanh tịnh**, tự thành Pháp Tu
Nay con thành kính cúi đầu
Quy y **Tam Bảo**, kính cầu **Quán Âm**

NAMO RATNATRAYĀYA
NAMAḤ ĀRYĀ-CATUR-BHŪJA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATVĀYA MAHĀSATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA
NAMAḤ ṢAḌ-AKṢARĪ MAHĀ-VIDYĀ BODHISATVĀYA MAHĀSATVĀYA
OṂ MAṆI PADME HŪṂ

Do giận dữ, oán hận
Chiêu quả báo **Địa Ngục**
Chịu cực hình thống khổ
Khó có kỳ thoát ra
Nương uy lực chữ **Hùm** (HŪṂ)
Trong **Lục Tự Đại Minh**
Tịnh hóa Tâm Ý ấy
Dứt trừ **Khổ**, **Chướng**, **Hoặc**
Đóng bít nẻo Địa Ngục
OṂ MAṆI PADME HŪṂ

Do tham dục, thèm khát
Chiêu quả báo **Quỷ đói**
Mang thân thể xấu xí
Chịu đói khát triền miên
Nương uy lực chữ **Mê** (ME)
Trong **Lục Tự Đại Minh**
Tịnh hóa Tâm Ý ấy
Dứt trừ **Khổ**, **Chướng**, **Hoặc**
Đóng bít nẻo Quỷ đói
OṂ MAṆI PADME HŪṂ

Do gây tạo nghiệp ác
Chiêu quả báo **Súc sinh**
Tâm Thức thường trì độn
Săn đuổi ăn nuốt nhau
Nương uy lực chữ **Bát** (PAD)
Trong **Lục Tự Đại Minh**
Tịnh hóa Tâm Ý ấy
Dứt trừ **Khổ**, **Chướng**, **Hoặc**
Đóng bít nẻo súc sinh
OṂ MAṆI PADME HŪṂ

Do chưa trọn Hạnh lành
Tuy được sinh làm **Người**
Còn hoài nghi, tự kiêu
Không thật biết **đúng**, **sai**
Nương uy lực chữ **Ni** (ṆI)
Trong **Lục Tự Đại Minh**
Tịnh hóa Tâm Ý ấy
Dứt trừ **Khổ**, **Chướng**, **Hoặc**
Đóng bít nẻo con người
OṂ MAṆI PADME HŪṂ

Do Định Lực khá cao
Sinh làm **A Tu La**
Vẫn ganh tỵ, tranh đấu
Luôn chiến đấu, tranh giành
Nương uy lực chữ **Ma** (MA)
Trong **Lục Tự Đại Minh**
Tịnh hóa Tâm Ý ấy
Dứt trừ **Khổ**, **Chướng**, **Hoặc**
Đóng bít nẻo Tu La
OṂ MAṆI PADME HŪṂ

Do làm nhiều việc Thiện
Được sinh vào cõi **Trời**
Tâm: kiêu mạn, ảo tưởng
Ngăn che đường giải thoát
Nương uy lực chữ **Om** (OṂ)

Trong **Lục Tự Đại Minh**
Tịnh hóa Tâm Ý ấy
Dứt trừ **Khổ**, **Chướng**, **Hoặc**
Đóng bít các nẻo Trời
OṂ MAṆI PADME HŪṂ

Hỡi năng lực Đại Bi
Từ **Tứ Tý Quán Âm**
Đấng **Lục Tự Đại Minh**
Phóng ánh sáng thanh tịnh
Soi chiếu Thân Tâm con
Chỉ bày việc cần làm
Từ nền **mười nghiệp lành**
Tu **bốn Tâm Vô Lượng**
Gom tư lương **Phước Trí**
Tăng trưởng **Ba La Mật**
Lợi mình, lợi chúng sinh
Cứu cánh thành Phật Quả
OṂ MAṆI PADME HŪṂ HRĪḤ

Bên trên xin phép được sơ lược như vậy về Đồ hình Lục Tự Đại Minh Bản Mệnh Hộ Thân và pháp thực hành…

*Như đã trình bày, sự thực hành của Pháp Bản Mệnh Hộ Thân này được tạo lập trên nền tảng **Thập Thiện Nghiệp Đạo** (*Thân* không sát sinh, không trộm cắp, không Tà dâm. *Miệng* không nói dối, không nói hai lưỡi ly gián, không nói điều ác, không nói lời thêu dệt. *Ý* không có tham dục, không có gận dữ, không có Tà Kiến.) và **Tứ Vô Lượng Tâm** (Từ, Bi, Hỷ, Xả). Đó là các điều kiện để hội đủ yếu tố thành tựu được sự thủ hộ. Và dù tu tập hành trì theo bất kỳ pháp môn nào thì cũng không lìa khỏi Giới Luật căn bản của Phật Giáo đó là:

"*sarva-pāpasya akaraṇaṃ*

Không tạo tác tất cả điều Ác

kuśalasya upasaṃpadaḥ

Cố gắng thành tựu mọi điều Thiện

svacitta paryavadanaṃ

Tự làm trong sạch *(hoàn toàn thuần phục)* ***Tâm Ý mình***

etad buddhasya śāsanaṃ

Đó là lời dạy của chư Phật"

Do đó, điều kiện tối thiểu, tệ nhất phải làm để được chư Phật, Bồ Tát, Thánh Chúng và chư Thiên, Thiện Thần thủ hộ, hộ trì đó là "***LÀM LÀNH, LÁNH DỮ***".

Lễ vía Đức Quán Âm Đại Sĩ, mùa Thu, năm Đinh Dậu 2017

Tư liệu trích dẫn:

- Quan Âm Ngũ Bộ Chú, Huyền Thanh soạn dịch.
  URL: https://kinhmatgiao.files.wordpress.com/2014/06/ngu-bo-chu.pdf
- Thiên Thủ Thiên Nhãn Pháp Kinh, Huyền Thanh soạn dịch.
  URL: https://kinhmatgiao.files.wordpress.com/2014/06/thien-thu-thien-nhan-phap-kinh.pdf
- Tứ Tý Quán Âm, Huyền Thanh biên soạn
  URL: https://kinhmatgiao.files.wordpress.com/2017/02/tu-ty-quan-am.pdf
- Các tư liệu và hình ảnh trên website: https://kinhmatgiao.wordpress.com/